

Chuyển Hóa Tâm Thức (I)

(Trích trong cuộc thảo luận văn hóa của Tủ Sách Việt Thường)

T12: Qua nhiều cuộc thảo luận, Tủ sách đã đúc kết:

Mỗi dân tộc sống trong môi trường khác nhau nên tùy theo môi trường sống mỗi dân tộc có bản sắc độc đáo riêng, được thể hiện ngay trên dòng sống sinh động và dòng tâm thức mà văn hóa là một bộ phận. Có thể nói văn hóa là linh hồn của một dân tộc. Như vậy, thiên nhiên nơi chứa đựng những yếu tố vĩnh hằng của nền văn hóa Việt Nam nói riêng và của mọi dân tộc nói chung. Cho nên, trở về Thiên Thu Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên Nhiên) là con đường sống của dân tộc Việt Nam nói riêng và của mỗi dân tộc nói chung.

Dần dần các ông chủ thế giới, các dân tộc sẽ thực sự tự ý thức, loài người có cùng một nguồn sống là thiên nhiên, cùng tưới tắm trong một nguồn yêu thương vô tận của trời đất và cùng ở trong một ngôi nhà (trái đất). Trái đất đã thu nhỏ như một ngôi làng; các dân tộc giống như những người láng giềng trong ngôi làng thế giới.

Tuy còn nhiều trở ngại, mau thuẫn nhưng các nhà lãnh đạo của các quốc gia sẽ cùng nhau tìm cách giải quyết môi trường sống đang bị ô nhiễm trầm trọng và sự biến đổi bất thường của thời tiết đang đe dọa hủy diệt loài người qua thiên tai (bão lụt, sóng thần, động đất, băng tan...).

Con người phải trở về tận cội nguồn, Thiên Nhiên, không dừng chân ở bất cứ giáo hội nào, bất cứ chủ nghĩa hay ý thức hệ nào, hoặc bất cứ quan niệm triết học nào, bất cứ chủng tộc nào. Về tận cội nguồn “lý” (chân lý) đem phần “dụng” (biến dịch) ứng dụng vào cuộc sống hiện tiền, đáp ứng nhu cầu sống của thực tại. Nghĩa là thuận lý theo thiên nhiên với ý chí và nghị lực, sống trọn vẹn với cuộc sống (với cái hiện tiền) trong tính người và tình người, nghĩa là thể hiện đầy đủ và trọn vẹn nếp sống an nhiên tự tại ngay nơi hiện tiền. Như vậy **không có gì ngoài con người và thực tại của cuộc sống.**

Nói cách khác về tận cội nguồn, Thiên Nhiên, là về với mẫu số chung tạo sự hài hòa (*hòa cả làng*) và sự tương đồng trong tinh thần coi đối lập là bổ sung, chấp nhân dị biệt, “*rằng trong lẽ phải có người có ta*”, trong cộng đồng thế giới với định hướng toàn cầu hóa, và sự tiến bộ của nền tin học.

Bắt Đầu Từ Đâu?

Từ thay đổi cái nhìn (*anh trước tôi sau, quay lại cái đầu anh sau tôi trước*). Nghĩa là mọi người tự ý thức thực hiện cuộc chuyển hóa tâm thức mà khởi điểm là trở về với chính mình (*trăm hay xoay vào lòng*) tự biết mình (*vì ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình*) với nếp sống tỉnh thức, qua quá trình giáo dục nhân bản tâm linh với cảm nan định lý– học ăn, học nói, học gói, học mở – theo chiều kích tâm linh phát triển tình thương và trí tuệ với định hướng: *Biển – Hóa – Thăng hoa – Hòa đồng*, hòa cùng vũ trụ, hội nhập vào dòng sống tâm thức dân tộc, đồng

thời đóng góp phần mình vào việc hóa giải khủng hoảng tâm thức con người (do sự mất quân bình giữa vật chất và tinh thần trong cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật tạo nên) trong xu thế toàn cầu hóa với nền tin học đang tiến như vũ bão.

Sự chuyển hóa chỉ có thể thành tựu khi nào tâm trí hoàn toàn tự do không còn bị qui định, không còn bị điều kiện hóa bất cứ ý thức hệ nào, hoặc bất cứ quan niệm triết học nào hay bất cứ giáo điều của một tôn giáo có tổ chức nào.

Trở về cội nguồn thiên nhiên cốt lõi của việc bảo vệ môi sinh đồng nghĩa với bảo vệ con người, nghĩa là lấy con người làm gốc cho mọi sinh hoạt vật chất và tinh thần.

Them sự hiểu biết của tôi, mấu chốt của chuyển hóa tâm thức là sống **tĩnh thức**. Xin anh T4 nói rõ hơn về sống tĩnh thức.

T4: Nói về tĩnh thức không phải là tĩnh thức. Cũng như nói về ăn không phải là ăn; mổ tả về tỉ mỉ về nút thức ăn không phải là ăn. Đưa thức ăn vào miệng nhai rồi nút thức ăn mới thực sự là ăn. Mở mắt là thấy, nhắm mắt thì không thấy gì; ngủ là không thức; tỉnh hay mê tự mình làm tự mình biết. Cho nên tĩnh thức không ai dạy ai được. Không có bà mẹ nào có thể giảng dạy cho bé sơ sinh bú được. Nói một cách ngắn gọn, đơn giản và cụ thể tĩnh thức là biết rõ chính mình, biết mình đang tính toán gì, đang nghĩ gì, biết rõ cảm xúc, cảm giác, phản ứng tâm lý của mình; và ý thức rõ những gì mình đang làm.

Lúc tắm biết mình đang tắm, đó là tĩnh thức trong lúc tắm. Làm bất cứ việc gì như đọc sách, lái xe, ăn, uống, lau nhà, rửa chén, đại tiểu tiện, v.v... đều biết rõ mình đang làm gì. Đó là hành động trong tĩnh thức, sống tĩnh thức, sống trọn vẹn với hiện tại. Khi vui biết đang vui, khi buồn biết đang buồn, khi suy tư biết đang suy tư, giận, lo sợ, v.v..., biết rõ tất cả những thứ đó trong chính mình là tĩnh thức.

Nên nhớ rằng **chỉ ghi nhận** những gì đang xảy ra trong tâm, không chọn lựa, không phê phán, không tránh né; và mọi nỗ lực để được tĩnh thức là phủ nhận tĩnh thức. Tĩnh thức là **đơn thuần ghi nhận** cái hiện tiền, cái đang xảy ra trong tâm, với cái tâm tự do không bị điều kiện hóa. Lòng ham muốn, ý chí, sự mong cầu không có trong tĩnh thức.

T2: Tôi nghĩ tĩnh thức là **sống** chứ không phải là nói. Nói về tĩnh thức như thế tạm đủ rồi. Hơn nữa đề tài hôm nay không phải nói về tĩnh thức.

Có một điều cần lưu ý, nỗ lực để được tĩnh thức là phủ nhận tĩnh thức. Nhưng nếu chúng ta kịp thời ghi nhận cái nỗ lực của chúng ta **thì lúc đó chúng ta đang tĩnh thức**, vì ghi nhận được cái đang xảy ra trong tâm, cái hiện tiền, **cái thực tại của tâm**.

Ông cha chúng ta thường nhắc nhở:

*Trăm nghe không bằng một thấy,
Trăm thấy không bằng một lần trải qua.*

Bạn nào cần biết thêm về tinh thức qua chữ nghĩa, xin đọc thêm bài “**NÓI CHUYỆN VỚI KRISHNAMURTI**” do CARLO SUARÈS thực hiện tiếp theo sau đây:

*** **

“Phải tuyệt đối khẩn thiết phát động một cuộc cách mạng triệt để trong tâm thức con người, một cuộc chuyển hóa thực sự về toàn bộ cơ cấu tâm lý con người”.

KRISHNAMURTI

Từ hơn bốn mươi năm nay, Krishnamurti, gốc người Ấn độ, đã tự ý cắt đứt mọi hệ thuộc giống dòng, gieo rải khắp thế giới một giáo lý khuyên hãy đoạn lìa mọi giáo lý. Như Aldous Huxley đã từng nhận xét thế này: “ Có hy vọng là hy vọng ở con người chứ không phải ở xã hội, ở những hệ thống tôn giáo có tổ chức, hy vọng là hy vọng ở bạn và tôi”. Krishnamurti tuyệt đối không truyền dạy về giáo luật khắc kỷ, không trao truyền sự cầu nguyện nào hay một pháp yoga nào, mà chỉ lo khai thông cho một thái độ tinh thần giải thoát khỏi mọi quy định.

Dù đã được phần đông các tư tưởng gia hiện nay xem là một vĩ nhân trong thời đại này, và lại ông đã để cuộc đời mình và tư tưởng mình xa lìa hẳn những thúc phược chằng chịt của thế gian nên Krishnamurti không bao giờ nhận chịu hay hợp tác với một tạp chí nào. Do đó, đây là một tài liệu độc nhất.

Do sự yêu cầu của chúng tôi, Carlo Suarès đã đến Gstaad, ở Thụy Sĩ, là nơi Krishnamurti đang lưu trú, và nhân danh tạp chí “Planète”, đã tiếp chuyện với ông trong một tuần lễ (từ 2r đến 28 tháng 8 năm 1963). Bản văn ta sắp đọc đây, đã được đúc kết từ những ghi chép trong các cuộc nói chuyện bằng Pháp ngữ đó và đã được chính Krishnamurti đọc và sửa. Vậy ta có thể xem đây là một minh xác rõ ràng của một trong những tư tưởng độc đáo nhất, và có lẽ cũng nên kể như đó là một di chúc tinh thần.

Giờ đây, đăng tải những trang đặc biệt này vào tạp chí, không phải bởi thế mà chúng tôi bảo rằng thái độ của Krishnamurti là thái độ của chúng tôi. Chúng tôi chỉ thừa rằng: biết rõ thái độ ấy và định đúng vị trí của nó tất nhiên là việc lợi ích, và tạp chí “Planète” tất nhiên có bổn phận phải trình bày tài liệu này, nằm trong thiên điều tra tổng quát của chúng tôi về những cao trào sâu xa trong cuộc truy khảo của thời đại.

21 – 8 – 1963:

*S. - Sự kiện hiển nhiên là tên ngài khắp thế giới đều biết đến, và nói một cách tổng quát là không có một sự ngộ nhận nào về cái mà tạm nhận cho tiện, là giáo lý của ngài. Ai cũng biết rằng điều ngài nói vượt ngoài mọi thứ xếp loại, không thuộc một triết lý nào, không thuộc một tâm lý học nào, không thuộc một tôn giáo mới lạ nào, vân vân. Và quả thực ngài mới là “hiện thực”, hiểu theo nghĩa là ngài không thuộc một nền văn hóa hay truyền thống nào. Dù danh tánh và nguồn gốc Ấn độ của ngài, ngài vẫn tuyên bố rằng ngài không thuộc Đông Tây chi cả. Mở đầu như vậy xong rồi, nay một số độc giả của tôi nghĩ đã đến lúc cần phải mở những cuộc nói

chuyện với ngài, để có được một sự trình bày khái quát, khá sâu xa, nhưng vẫn tóm lược được giáo lý của ngài, khả dĩ dẫn nhập vào những quyển sách phức tạp hơn và khó đọc hơn.

*K. – Những độc giả ấy, họ muốn gì? Họ có thực sự nghiêm trang trong những chủ định của họ không? Họ muốn có những sự kiện thực sự hay các kiến thức uyên bác? Phải chăng họ nghĩ sẽ tìm thấy ở đây những kiến thức được góp nhặt từ trong sách vở? Những kết luận chẳng? Những ý kiến chẳng? Những hệ thống chẳng? Những ý tưởng chẳng?

S. – Tôi chắc hẳn họ không muốn những thứ đó đâu.

K. – Thế thì họ muốn gì? Xin ông hãy nói với họ rằng tôi không hề đọc sách gì cả. Nếu họ tìm kiếm những kiến thức, tìm kiếm sự đa văn quảng bác, thì theo tôi, tôi lại cho mọi kiến thức đều làm chướng ngại thực tại. Chỉ khi nào cái tiến trình tích tập ngưng dứt thì sự chuyển hóa tâm thức mới có thể xuất sinh.

S. – Danh từ “chuyên hóa” đã thành một danh từ thời thượng trong toàn thế giới, từ khi cuộc phát triển phi thường của khoa học đã đặt con người đứng trước sự cần thiết phải biến đổi lấy mình cho kịp và để thích ứng với ...

K. – Đúng thế. Nhưng thử hỏi chuyên hóa là gì? Tất cả chúng ta đều thừa biết cuộc bộc phát mãnh liệt của kỹ thuật, phải không, và những phát minh ngày càng vô số, những sự kiện toàn đủ loại, những máy tính và những máy chỉnh hợp điện tử, những cuộc du hành nay mai đến tận nguyệt cầu, những khám phá về sinh vật học, những tìm tòi vào chỗ bí mật của các tế bào sống, vân vân và vân vân. Chúng ta đều biết rằng mọi sự ấy đang diễn ra và biết rằng đầu óc con người tất phải thích ứng – và đang thích ứng – với các cuộc đổi thay phi thường đó. Vậy chúng ta không cần phải đề cập thêm về vấn đề ấy làm gì. Nhưng chúng ta hãy nhìn một khía cạnh khác, nhìn mặt trái của cái thế giới đang bành trướng này, tất nhiên ta thấy: sự hỗn loạn, sự đảo điên, sự nghèo đói hiện diện cùng khắp thế giới. trong cánh hướng đảo điên ấy, con người tìm kiếm sự an toàn trong vật chất mà họ tưởng có thể đạt được bằng những kiến thức về kỹ thuật. Các tôn giáo bây giờ chỉ là những ngõ ngách phụ thuộc, đứng tách biệt ra ngoài những biến động thăng trầm to tát của thế sự, và những vấn đề căn bản – về thời gian, đau khổ, sợ hãi thì vẫn còn là nan giải.

Chúng ta cũng biết rằng con người sống trong những “môi trường” nhân loại – những giai tầng đạo đức và xã hội – và biết rằng sự sống không phải nội tâm hay ngoại cảnh gì cả, sự sống ví như ngọn thủy triều: đó là một sự vận hành tới lui qua lại giữa nội tâm và ngoại cảnh.

S. – Tôi nhận thấy dễ dàng điều đó, nhưng chính điểm đó phải được đem ra thảo luận, bởi vì nếu chúng ta bị hoàn cảnh quy định – như hiện nay chúng ta bị quy định – và nếu chúng ta nhận thấy hoàn cảnh hiện thời của chúng ta đang gặp phải những biến đổi đáng kể và cực kỳ nhanh chóng, thế tại sao chúng ta không chấp nhận rằng cuộc vận động phi thường đó đang biến đổi óc não chúng ta?

K. – Ta có thể chấp nhận điều đó. Nhưng những cuộc biến đổi ấy có phải là chuyển hóa không? Dù ta có trở thành những bộ óc điện tử đi nữa, vẫn không bằng cái máy chinh hợp điện tử, và óc não không phải là toàn thể con người ...

S. – Dĩ nhiên là vậy. Ý tôi ban nãy muốn nói với ngài là sự phát triển kỳ diệu về giao thông và thông tin, dường như mở rộng tâm thức chúng ta đến độ có thể bao trùm toàn thể địa cầu.

K. – Vâng, vâng.... Và tất cả những điều đó vốn thuộc vào tự thể chúng ta. Sự nghèo đói kinh khủng ở Á châu ... và những bạo quyền, những tham vọng, những tranh đua, những tình tự ái quốc, những thù hận giống nòi dân tộc, ... những cuộc chiến tranh ... chúng ta đúng là, vâng, chúng ta đúng là tất cả những thứ ấy hiển hiện trong tâm thức chúng ta, chúng ta mới thấy được sự chuyển hóa phải xuất sinh ở tầng bậc sâu thẳm nào.

S. – Hiện có một cao trào tư tưởng cho rằng sự phức tạp của thế giới nhân loại quá đỗi lớn lao mà một người không sao không thể nhìn thấy đúng cái hiện trạng toàn diện được. Thế nên, các triết gia đó muốn sáng tạo và tổ chức một tư tưởng tập thể khả dĩ gom lại thành một tổng hợp rộng lớn hết thảy những manh mối rời rạc của các kiến thức.

K. – Còn những vấn đề nào khác mà ông muốn đề cập?

S. – Dĩ nhiên, vấn đề tôn giáo. Nhận định rằng một tôn giáo mới sẽ phát sinh, đặt nền trên một kiến thức mỹ mãn hơn về vũ trụ và đặt trên sự cảm nhận rằng con người nguyên là thành phần của một đoàn thể, nhận định như vậy có hữu lý không? ... Và ngài nghĩ sao về sự kiện là ở nơi con người hiện đại, dù trẻ dù già, vốn có một niềm sợ đâm gốc mọc rễ sâu xa trong họ?

K. – Tốt lắm. Và bây giờ chúng ta bắt đầu từ đâu đây?

22 – 8 – 1963:

S. – Trước khi chúng ta trở lại các vấn đề đã được bàn thảo ngày hôm qua, có thể nào xin ngài tóm tắt trong một câu ngắn gọn điều mà theo ngài là vấn đề chính yếu đặt cho chúng ta ngày hôm nay?

K. – Tôi xin nói rằng phải tuyệt đối khẩn thiết phát động một cuộc cách mạng triệt để trong tâm thức con người, một cuộc chuyển hóa thực sự về toàn bộ cơ cấu tâm lý con người.

S. – Vậy tôi hiểu ý ngài muốn vạch rõ chỗ cần thiết phải phá vỡ cái trạng thái quy định nơi tâm trí. Dù số người đến nghe ngài nói chuyện là bao nhiêu đi nữa, dường như ngài vẫn bảo riêng với từng người một nhằm trao truyền với họ cái ý thức về sự cần thiết và khẩn cấp đó. Và theo ngài, hành động phá vỡ cái trạng thái quy định nơi tâm trí – hay tâm thức – đó có thể và phải có tính cách toàn diện. Đến đây, tôi thấy dường như có điểm khá rắc rối: ngài quả quyết rằng cuộc biến đổi đó không cần chút thời gian nào cả. Ta hãy dẹp sang một bên về cái khoảng thời gian hiển nhiên cần thiết cho sự thấu hiểu một bài thuyết trình, bất cứ loại nào. Quả thật ngài

có xác nhận rằng, công cuộc thay đổi triệt để ấy không bao giờ có thể được phát sinh do ý chí cũng như do một quá trình tiệm tiến không?

K. – Sự can thiệp của ý chí cũng như của thời gian không thể nào làm phát sinh cuộc thay đổi ấy được. Nếu cuộc thay đổi ấy là kết quả của một quá trình tiệm tiến, tất nhiên tôi sẽ không gọi nó là sự chuyển hóa. Sự chuyển hóa vốn tức thời, lập tức.

S. – Tôi có thể chấp nhận được điều đó. Tuy nhiên, tôi không thể tưởng tượng nổi một cuộc chuyển hóa mà lại không mang theo nó hậu quả của toàn cả quá khứ. Con người biến đổi hoàn cảnh của họ và hoàn cảnh cũng biến đổi họ.

K. – Không phải thế, con người biến đổi hoàn cảnh và hoàn cảnh chỉ biến đổi một phần nào đó của con người đã đâm mọc vào cuộc biến đổi của hoàn cảnh, chứ không phải toàn cả con người tận trong chỗ sâu thẳm của họ, **không một áp lực ngoại tại nào có thể chuyển hóa được**: áp lực ngoại tại chỉ biến đổi những phần cạn cợt của tâm thức thôi.

S. – Như con người lịch sử

K. – Tùy ông ... tuyệt nhiên không một ảnh hưởng nào có thể làm phát sinh được cuộc chuyển hóa tâm thức thâm sâu. Cũng thế, không một cuộc phân tách tâm lý nào làm phát sinh được sự chuyển hóa, bởi vì mọi sự phân tách đều bị tù ngục trong vòng thời gian. Và không một kinh nghiệm nào có thể khởi phát được sự chuyển hóa, dù kinh nghiệm ấy có cao cả và “tinh thần” đến đâu đi nữa. Trái lại, kinh nghiệm ấy càng có vẻ như một thiên khải thì nó lại càng quy định hơn. Trong hai trường hợp đầu: sự biến đổi tâm lý do một áp lực ngoại tại và sự biến đổi do hành vi phân tách hay tự kiểm nội tâm, cá thể không được biến đổi thâm sâu chi cả: cá thể chỉ được biến đổi, uốn nắn và chỉnh theo cách thế nào đó hầu thích ứng với xã hội tính. Trong trường hợp thứ ba: sự biến đổi do một kinh nghiệm gọi là tinh thần, hoặc đã rập khuôn theo một tín ngưỡng có tổ chức hoặc hoàn toàn có tính cách cá biệt, cá thể bị phóng hiện vào cuộc trốn chạy do áp lực của một biểu tượng nào đó sai khiến.

S. – Tôi muốn đào sâu hơn về các điểm cuối cùng đó. Ngài đồng ý, chúng ta nên bắt đầu từ sự thích ứng, thưa ngài.

K. – Trước hết, ta hãy loại bỏ khỏi tâm trí sự phân biệt, có tính cách giả tạo và quá ư giản tiện, giữa ý thức và vô ý thức. Thế giới tân tiến ngày nay có khuynh hướng ép buộc chúng ta ra hoạt động ráo riết ở ngoại giới, khiến chúng ta quá chú trọng phần tâm thức cạn cợt bên ngoài, được gọi là ý thức, còn phần tâm thức thâm sâu thì rất ít khi được mời gọi tham dự, ý thức hoạt động ráo riết trong việc lo toan tổ chức các công cuộc làm ăn hoặc dục vào các cuộc tranh đấu thường nhật, các tham vọng, các khát vọng, các nỗi lo âu của chúng ta, vân vân Sự độc tôn gia tăng cường độ cho ý thức mặt ngoài như vậy tất nhiên lấn át những tầng lớp sâu thẳm của tâm thức vào trong bóng tối và ngăn chặn không cho chúng thể hiện. Nói về tiến trình phân tích tâm lý, ông hãy để ý là không một nhà phân tâm học nào dám tự hào đã giải tỏa toàn bộ tâm thức khỏi sự quy định. Và lại, có đề nghị họ giải tỏa trọn vẹn như vậy, họ cũng cho là quá đáng. Ông

cũng hãy để ý là mọi phân tách phân tâm học đều bị giới hạn bởi chính trạng thái quy định của người phân tách, dù kẻ quan sát tự quan sát chính mình hay quan sát một tha nhân. Trạng thái quy định của kẻ quan sát, của người kiểm duyệt, của quan tòa náy tất nhiên chống kháng lại mọi sự chuyển hóa, bởi vì mỗi một cuộc chuyển hóa sắp đến, trong thật nghĩa của nó là một sự việc mà người ta không biết còn việc phân tách phân tâm học lại có mục đích thu tất cả về trong cái biết, trong những giải thích, trong một hệ thống rõ ràng và chính xác của một cơ cấu tâm lý. Mọi sự phân tách cũng như mọi hệ thống đều nhằm mục đích, đều tự phác họa một điểm đến. Do đó sự xung đột giữa chủ-thể-quan-sát và đối-tượng-được-quan-sát, nếu phương pháp áp dụng để quan sát thẳng thê, thì xung đột sẽ kết liễu bằng sự thích ứng của chủ thể. Sự chuyển hóa chỉ có thể thành tựu khi nào cái chủ-thể-quan-sát nơi nội tâm biến mất. Sự thích ứng có thể thực hiện do tự nguyện hoặc do xảo thuật của một nhà tâm lý học chuyên điều chỉnh nhằm làm “thuyên giảm” các phản ứng. Sự thích ứng có thể được thực hiện nhằm a tòng theo một xã hội xấu xa mà trong đó người ta tự nhủ dù sao mình cũng phải sống còn, hoặc nhằm a tòng theo một xã hội lý tưởng dụ như một tập đoàn tôn giáo hay sự dự tưởng về một xã hội tương lai nào đó. Trong tất cả các trường hợp đó, hiển nhiên là có sự tác động của một thể lực bức bách dựa trên một luân lý xã hội, nghĩa là một trạng huống mâu thuẫn và xung đột. Tự thân mọi xã hội đều mâu thuẫn. Mọi xã hội đều đòi hỏi những nỗ lực đóng góp về phía những người đã cấu tạo nên nó. Thế nhưng, xung đột, mâu thuẫn, cố gắng, tranh chấp đều toàn là những chứng ngại vô phương khắc phục và ngăn chặn mọi cuộc chuyển hóa.

S. – Tại sao thế? Xin ngài cho biết thêm.

K. – Vì **chuyển hóa có nghĩa là tự do**. Mà trạng thái xung đột thì lại đối nghịch với tự do. Rồi chúng ta sẽ trở lại với ý nghĩa của tự do là gì.

S. – Hiện giờ, chúng ta chỉ xem xét thế nào là không phải sự chuyển hóa, chúng ta chưa nói hết. Tôi nghĩ là ngài đã bắt đầu trình bày về vấn đề thích ứng. Nếu ngài đồng ý, chúng ta hãy đề cập sang vấn đề lẫn trốn trong những biểu tượng. Tôi quan tâm đến vấn đề này một cách đặc biệt.

Làm thế nào những người tự nhận là đứng đắn, lại có thể chấp nhận rằng những biểu tượng trong phân tâm học chỉ là những nguy ảnh của chân lý cần khám phá, những nguy ảnh mà người ta phải đập vỡ, phải hủy sạch, thế mà họ phải chủ trương rằng những biểu tượng lớn trong tôn giáo vẫn là những dấu hiệu bất di bất dịch, là những ngưỡng cửa cố hữu người ta phải bước qua để “lên” đến những chân lý cao hơn? Không có thứ bậc trong những biểu tượng. **Mỗi biểu tượng đều là sự sa đọa.**

K. – Hình ảnh biểu tượng chỉ có trong những phần hoang vu chưa khám phá của tâm thức. Tôi còn đi xa hơn: danh từ chỉ là biểu tượng. Phải đập vỡ danh từ đi.

S. – Còn những khoa thần học, tức những cố gắng phi lý để suy tưởng cái không-thể-suy-tưởng ...

K. – Ta hãy để yên các khoa thần học đó. Mọi tư tưởng thần học đều non nớt. Ta không nên đánh mất sự mạch lạc trong câu chuyện. Khi này, chúng ta vừa bàn đến kinh nghiệm và chúng ta nói rằng mọi kinh nghiệm đều có tính cách quy định. Thật vậy, mọi kinh nghiệm đã sống – và đây không phải tôi chỉ nói đến những kinh nghiệm về tâm linh, tinh thần thôi đâu – đều phải bắt nguồn từ quá khứ, bởi vì có nhận thức, kinh nghiệm mới thành là kinh nghiệm. Dù là về thực tại hay là về người bên cạnh tôi cũng thế, điều tôi nhận thức, bao hàm một sự liên hợp với quá khứ. Mọi kinh nghiệm đã sống đều là phản ứng xuất phát từ sự liên hợp đó. Một kinh nghiệm gọi là tâm linh tinh thần chính là sự đáp ứng của quá khứ đối với nỗi lo âu, với niềm thống khổ, với sự sợ hãi, với mối hy vọng trong tôi. Sự đáp ứng này được phóng hiện để bù đắp vào một trạng huống khổ khổ. Sở dĩ, tâm thức tôi phóng hiện một hình ảnh tương phản đầy cao thượng và hạnh phúc này chính là một thực tại có tính cách xoa dịu cho đỡ khổ. Vì thế nên niềm tin về Cơ Đốc giáo hay Phật giáo trong tôi, đã kiến tạo và phóng hiện hình ảnh của đức Nữ Đồng Trinh hay đức Phật hay những sự tạo tác hình tượng ấy đánh thức một cảm xúc nồng nhiệt ngay trong những tầng lớp tâm thức hoang vu chưa được khám phá, và vì các tầng lớp đó đã tạo tác hình ảnh ấy một cách vô thức, nên nhận lấy nó như là thực tại. Rồi các thứ ấy ngưng tụ lại, làm thành ký ức trong một tâm thức cho rằng: “Tôi biết mà, vì tôi đã có một kinh nghiệm tâm linh rồi”. Bây giờ, các danh từ và trạng thái quy định liên trùng trùng tương sinh cho nhau trong một vòng tròn tù ngục khép kín.

S. – Một hiện tượng có tính cách quy nạp.

K. – Đúng thế, sự hồi tưởng tới niềm cảm xúc nồng nhiệt, tới sự kích động, tới cơn xuất thần khiến phát sinh lòng khao khát lặp lại cuộc kinh nghiệm, thế là biểu tượng liền trở thành cái uy lực tối thượng nội tâm, trở thành lý tưởng mà tất cả mọi nỗ lực đều qui hướng vào. Tóm lại cho kỳ được cái thấy đó là cứu cánh; triền miên suy tưởng về cái thấy ấy và tự khắc kỷ mình thành là phương tiện. Nhưng chính tư tưởng tạo nên khoảng cách giữa hình ảnh thực của cá nhân và biểu tượng hay lý tưởng. Cái tiến trình này, đã không giải tỏa được sự quy định, mà một cách cốt yếu, nó lại mang tính cách quy định. Sự chuyển hóa chỉ có thể có được nếu ta chết dứt với khoảng cách đó. Sự chuyển hóa chỉ có thể có được khi mọi kinh nghiệm đều hoàn toàn ngưng bật. Kè nào không còn sống kinh nghiệm nữa, kẻ ấy mới là con người tình thức.

Nhưng ông hãy xem hiện tình khắp nơi: người ta luôn tìm kiếm những kinh nghiệm sâu hơn và rộng hơn. Người ta tin tưởng rằng sống kinh nghiệm là sống đích thực. Sự thực thì như chúng ta vừa xem xét tiến trình của kinh nghiệm và vừa nhận thấy rằng điều người ta sống không phải là thực tại mà chỉ là biểu tượng, ý niệm, lý tưởng, danh từ. Mà danh từ, hình ảnh không phải là sự vật. Nếu thứ đời sống gọi là tâm linh, tinh thần chỉ là một chuỗi dài xung đột triền miên, đó bởi vì, trong cuộc sống ấy, người ta định tâm ăn uống, nuôi sống mình bằng ý niệm, tựa như khi đói bụng người ta dùng danh từ “cơm” để ăn no. Phần đông chúng ta sống bằng danh từ chứ không sống bằng Trong tất cả mọi hiện tượng của đời sống, dù đó là đời sống tinh thần, đời sống dục tình, việc tổ chức về phương diện vật chất các công cuộc làm ăn hay những thời giờ nhàn rỗi của ta, chúng ta cứ tự kích thích mình bằng danh từ. Danh từ được tổ hợp thành ý tưởng, rồi dựa trên những kích thích tổ đó, chúng ta tưởng rằng mình càng sống nồng nhiệt hơn khi

mình càng biết khéo nương ở chúng để tạo thêm nhiều khoảng cách giữa thực tại (hình ảnh hiện thực của chính chúng ta) và một lý tưởng (hình ảnh được phóng hiện trái ngược lại với hình ảnh hiện thực của chúng ta). Thế là chúng ta xoay lưng lại với sự chuyển hóa.

S. – Đây chúng ta hãy tóm lược lại những cái bất khả. Hễ trong tâm thức còn có xung đột, bất cứ loại nào, thì sự chuyển hóa không sao có được. Hễ uy lực của Giáo hội và của Nhà nước còn chế ngự tư tưởng chúng ta, thì sự chuyển hóa không sao có được. Hễ kinh nghiệm riêng tư của chúng ta còn tự tạo thành uy lực nội tâm thì sự chuyển hóa không sao có được. Hễ giáo dục, hoàn cảnh xã hội, truyền thống tập tục, văn hóa, tóm lại hễ nền văn minh của chúng ta với tất cả những hệ thống máy móc của nó mà còn quy định chúng ta, thì sự chuyển hóa không sao có được. Hễ còn lo thích ứng thì sự chuyển hóa không sao có được. Hễ còn lẩn trốn, bất cứ bằng cách nào, thì sự chuyển hóa không sao có được. Hễ còn cố gắng theo đuổi một phương pháp tu tâm nào, hễ tôi còn tin tưởng vào một sự thiên khai nào, hễ tôi còn ôm ấp một lý tưởng nào, thì sự chuyển hóa không sao có được. Hễ tôi còn tìm kiếm tự giác bằng phương cách phân tâm, thì sự chuyển hóa không sao có được. Hễ còn cố gắng nung thành tựu cuộc chuyển hóa thì sự chuyển hóa không sao có được. Hễ còn có hình ảnh, biểu tượng hay ý tưởng hay cả danh từ, thì sự chuyển hóa không sao có được ... Tôi nói thế đủ chưa? ... Vẫn chưa. Tôi chỉ có thể phải thêm là: **hễ còn có tư tưởng thì sự chuyển hóa không sao có được.**

K. – ... Đúng vậy.

S. – Thế thì chuyển hóa là gì, hỡi ngài?

23 – 8 – 1963:

K. – Chuyển hóa là gì? Nhưng trước hết ông hãy cho tôi biết rằng cuộc nói chuyện này phải chăng vẫn chỉ giữ chúng ta ở mức độ ngôn từ, phải chăng chúng ta chỉ đùa giỡn trong một trò chơi trí thức, phải chăng chúng ta chỉ sử dụng một lối biện luận nghịch đời, hay là chúng ta đề cập những sự kiện đích thực. Ông hãy nói cho tôi biết xem ông và tôi, chúng ta có nhận thấy sự cần thiết và khẩn cấp của một cuộc biến đổi triệt để ở toàn bộ cơ cấu tâm lý không, và trong trường hợp này, ông hãy cho biết xem ông và tôi, hôm nay chúng ta có thực sự xem xét hết tất cả những chướng ngại của sự chuyển hóa mà ông vừa kể đó không. Nếu đúng vậy thì xin ông hãy cho tôi biết xem chúng ta đã dứt bỏ chúng, đã từ khước chúng một cách đích thực chưa hay là chúng ta chỉ theo đuổi một trò chơi danh từ thôi.

S. – Chúng ta đang tiến sâu vào cuộc hành trình thám hiểm về những vùng đất kỳ diệu của tâm thức. Trong hiện tại, ngài và tôi, chúng ta đang cùng nhau suy tưởng và tuyệt đối chắc chắn là mỗi khi chúng ta bắt gặp những chướng ngại ngăn chặn cuộc giải tỏa quy định, là chúng ta loại bỏ ngay lập tức vì chúng ta đã thấy rõ chúng rồi. Và không còn lý do gì để chúng tái sinh nữa. Tôi không biết độc giả của tôi họ sẽ làm gì khi đọc tất cả những điều này. Tôi cho rằng một số họ sẽ thái bỏ tất cả, một số khác, vì bị chết cứng trong trạng thái quy định của họ, nên họ sẽ đọc như đọc giải trí một thiên du ký lúc ngồi sưởi ấm bên lò sưởi, và một số khác nữa, thì vì vốn sẵn đứng đắn và có ý hướng phiêu lưu mạo hiểm, nên họ sẽ theo dõi chúng ta một cách nhiệt

thành hăm hở. Tuy nhiên, tôi xin nói thêm rằng ngài đã nói về toàn bộ tâm thức, và tôi xin thú thật tôi không biết phải với nhận thức như thế nào tôi mới có thể chắc chắn rằng mình đã thấu triệt cái toàn bộ đó. Ở đâu và bằng cách nào tôi mới có thể bắt gặp được tâm thức trong toàn bộ của nó? Càng tiến sâu vào tâm thức, tôi càng thấy không có sự sống nào mà không bị quy định, thấy rằng nguồn gốc của sự sống cũng chính là nguồn gốc của sự quy định. và cũng như sự sống của nguồn gốc vượt thoát ngoài tầm tay của tâm thức, tâm thức rồi không nhận thức nổi nguồn gốc của chính nó.

K. – Tôi hiểu câu hỏi của ông. Sự chuyển hóa chỉ xảy ra khi nào có sự bùng nổ toàn diện trong những tầng lớp hoang vu chưa được khám phá của tâm thức.

S. – Lời giải đáp của ngài không làm tôi tiến xa hơn. Dù sự bùng nổ ấy có bộc phát hay không, tôi cũng tự hỏi làm thế nào tôi có thể nhận thức được nó, vì nó vượt qua ngoài phạm vi của kinh nghiệm. Tâm thức, sự sống và kỳ gian, đều đồng nghĩa với nhau, và tôi không quan niệm nổi chúng có một nguồn gốc hay không. Ngài nói về sự bùng nổ, tức là nói về cái hủy diệt cái kỳ gian trong tôi. Vậy hiện tượng ấy nó như thế nào mà có thể hủy diệt cái kỳ gian, mà lại không hủy diệt luôn chính sự sống? (Dĩ nhiên là tôi nói về sự sống của cái “máy tâm lý”). Và sự bùng nổ nằm ngay trong mầm mống của trạng thái quy định, điều đó có thể thực hiện được không?

K. – Sự bùng nổ ngay trong mầm mống hay nếu có thể nói khác đi, ngay trong cội rễ của trạng thái quy định, có thể thực hiện được và cần thiết phải thực hiện. Chính đó là sự chuyển hóa.

S. – Và sự chuyển hóa phát sinh như thế nào?

K. – Thật ông muốn biết chứ?

S. – Thật

K. – Thì ông hãy chết đi với kỳ gian. Ông hãy chết đi với toàn bộ quan niệm về thời gian, về quá khứ, với hiện tại và với vị lai.

S. – Tôi muốn lắm chứ và muốn ngay tức khắc. Nhưng chết đi cách nào? Tôi thấy đủ loại cái chết có thể có trên đời này. Những cái chết tràn đầy ý nghĩa và những cái chết vô vị; những cái chết để phục sinh và những cái chết bản thủ thối nát; những cái chết đầy khôn ngoan và những cái chết vì khô cạn héo úa.

K. – Chết đi với kỳ gian, đó nghĩa là thấy chân lý về thời gian. Hãy chết đi với những hệ thống, hãy chết đi với những biểu tượng, hãy chết đi với những danh từ, vì đó là những động cơ tạo sinh ra sự mục nát, tàn rữa. Hãy chết đi, như tôi đã nói với ông, với tất cả mọi khoảng cách, có thể được hình thành ngay trong ông, giữa con người đích thực của ông và một lý tưởng. Hãy chết đi với cái máy-tâm-lý của ông, bởi vì chính nó đã tạo nên thời gian tâm lý. Thứ thời gian này không có gì là thực tại cả.

S. – Tôi nghĩ tôi đã hiểu tất cả mọi điều ấy rồi, nhưng điều tôi quan trọng trong vấn đề này là đừng để bị lôi kéo bởi ảo tưởng. Cho nên, tôi đã đặt ngài một câu hỏi mà ngài chưa trả lời: làm thế nào tôi có thể biết được một cách đích xác và chắc chắn rằng sự bùng nổ ấy đã phát sinh trong tôi.

K. – Muốn thấu hiểu điều đó, tất nhiên phải không có sự phân cách giữa chủ-thể-quan-sát và đối-tượng-quan-sát. Chính sự phân cách này đã tạo nên điều mà ta gọi là kinh-nghiệm-đã-sống và chúng ta đã thấy rằng thứ kinh nghiệm gọi là đã-sống này không phải là một sự tiếp xúc với hình ảnh, với danh từ. Khi đặt tôi câu hỏi đó, ông muốn hỏi tôi về cái ý niệm chứ không phải về chính sự kiện của cuộc bùng nổ. Do đó, câu hỏi ấy đã đặt sai. Câu hỏi ấy ngụ ý có một khoảng cách giữa chủ-thể-quan-sát và đối-tượng-quan-sát. Sự thực là tuy ông nghĩ không nên tạo thành khoảng cách đó, nhưng ông vẫn mãi miết tìm cách sống-kinh-nghiệm. Thế nhưng, mọi kinh-nghiệm-đã-sống đều bao hàm có khoảng cách đó giữa chủ-thể-quan-sát và đối-tượng-quan-sát, giữa chủ-thể-tu-tưởng và tu-tưởng đó là một trạng thái mâu thuẫn, tức là trạng thái xung đột. Chính vì tâm trạng ấy ta mới hỏi làm thế nào biết được sự bùng nổ xảy ra: làm thế nào thấy được? Làm thế nào nghe được? Nếu hành động quan sát được thực hiện ngoài vòng thế giới danh từ - nếu ta không quan sát đóa hoa bằng những kiến thức thực vật học – nếu tuyệt nhiên không có một ngôn từ nào đưa vào vô số những sự hội ý của nó, thì lúc ấy mới hiện lên cái “thấy” thực sự, trong đó chủ-thể-quan-sát vắng mặt, cái “thấy” không có sự đo lường, phê phán hoặc chê bỏ, chấp nhận. Lúc bấy giờ ta không còn hỏi: “Làm sao tôi biết được rằng cái ấy hiện hữu ngoài vòng kinh nghiệm”. Sự bùng nổ ấy chính là cuộc chuyển hóa.

24 – 8 – 1963:

S. – Xin ngài cho tôi hỏi một câu tuy không thành thật, nhưng tôi tự đặt mình vào địa vị của một người chưa từng bao giờ suy nghĩ các vấn đề ấy cùng một cách thế như chúng ta, tôi tưởng tượng người ấy sẽ hỏi ngài: “Tôi còn lại gì, nếu không là sự thất vọng, lo âu, sợ hãi, của một tâm thức đã mất hết mọi nơi nương tựa, ngay cả cái quan niệm về chính tự thể của mình? ...”

K. – Tôi sẽ trả lời rằng người ấy chưa đăng trình, rằng người ấy sợ bước sang bờ bên kia.

S. – Rồi nếu kẻ ấy hỏi ngài: “Thế nào là trạng thái của một tâm đã trẩy sang dòng sông cuộc sống và qua bờ bên kia?” Chắc ngài sẽ bảo với kẻ đó, phải thế không, là tâm thức ấy tự cảm thấy nhẹ nhõm vì trút bỏ gánh nặng của kỳ gian đã trở thành vô phương chịu đựng đối với hắn?

K. – Đại khái như vậy.

S. – Chắc ngài sẽ bảo với kẻ ấy rằng nỗi sợ hãi của hắn đã chứng tỏ là hắn chưa dẫn bước phiêu lưu, mạo hiểm như ngài đề nghị. Cuộc đối thoại này không phải tưởng tượng đâu: tôi biết nhiều người họ sợ những điều ngài nói, và tôi biết rằng thực hiện những điều ngài nói tất vượt qua khỏi sợ hãi. Kể cũng hơi lạ kỳ. Mọi sự diễn tiến như trong tận cùng tâm thức con người vốn có nỗi sợ hãi không dám tự mình nhìn tận mặt chính sự lộ bày của mình trong khi đó trái lại, một tâm thức tự lộ bày với chính mình thì không còn sợ hãi nữa. Có sự mâu thuẫn trong đó vậy và tôi

tự hỏi phải chăng trong chỗ thâm sâu của nó, biết đâu, tâm thức cũng cần sự sợ hãi ấy. Như thế mới giải thích được tại sao cái sợ ấy luôn luôn được duy trì, được bồi dưỡng bởi các tôn giáo được coi như là những nơi trú ẩn và những phương thuốc an thần. Các tôn giáo duy trì sự sợ hãi bằng cách ngăn chặn không cho tâm thức tự nhận thức chính khuôn mặt đích thực của mình. Để đạt mục tiêu đó, các tôn giáo đặt giữa tâm thức và thực tại bức màn của những môn thần học. Tôi muốn cùng ngài thâm nhập vào vấn đề sợ hãi càng sâu càng hay, vì đúng ra, anh Pauwels cũng đã dẫn tôi điều này.

K. – Vấn đề này vừa sâu vừa rộng, ta hãy đề cập nó bằng cách, có thể nói là dò dẫm hết mọi khía cạnh. Sự sợ hãi chính là thời gian và tư tưởng. Chúng ta làm cho sự sợ hãi liên tục bằng tư tưởng, và cũng chính bằng tư tưởng cho ta làm cho sự khoái lạc liên tục. Sự kiện ấy thật giản dị: khi tư tưởng đến đối tượng của khoái lạc là chúng ta đã làm cho sự khoái lạc liên tục, và ta cũng hành động y như vậy đối với sự sợ hãi khi ta tư tưởng đến đối tượng của nó. Vậy, điều cần phải thấu hiểu, không phải là sự khoái lạc cũng như sự sợ hãi, mà chính là cái khả năng làm cho chúng liên tục của ta. Nếu tôi sợ ông – hay sợ cái chết, hay vật gì khác – là tôi tư tưởng đến ông hay đến cái chết và do đó tôi nuôi dưỡng sự sợ hãi.

S. – Tất cả những điều ấy đã khá rõ rệt rồi, nhưng câu hỏi tôi không phải ở chỗ đó: tôi muốn hỏi về nguồn gốc của sự sợ hãi cùng cái cách thế mà người ta có thể áp dụng để dứt bỏ nó.

K. – Tôi hiểu, nhưng chúng ta hãy bước từng bước một. Tôi vừa nói rằng khi chúng ta tư tưởng đến đối tượng của sự khoái lạc cũng như sự sợ hãi là chúng ta đã làm cho chúng liên tục kéo dài mãi. Nhưng có điều là chúng ta muốn sự khoái lạc liên tục, còn sự sợ hãi thì chúng ta vừa duy trì nó mà lại vừa không muốn nó liên tục. Chúng ta muốn quan trọng hóa sự liên tục của khoái lạc, nhưng khi tìm cách lẩn tránh đối tượng của sự sợ hãi thì chính sự sợ hãi lại được bành trướng. Nếu trái lại, ta dám giáp mặt với đối tượng của sự sợ hãi của ta, thì sự sợ hãi liền ngưng dứt.

S. – Tại sao thế hở ngài?

K. – Tôi nói đến sự sợ hãi có tính cách tâm lý, chứ không phải cái sợ về một sự nguy hiểm cho thân xác mà người ta tìm cách lẩn tránh, điều này vốn tự nhiên và bình thường. Ông hãy xem sự sợ chết. Có gì trong cái sợ này? Ta phân chia toàn bộ hiện tượng sinh tính thành ra cái sống và cái chết. Ta biết cái sống, còn cái chết ta không biết chi cả. Ta sợ cái mà ta không biết, hay đúng ra, ta sợ mất cái ta biết. hiển nhiên sống và chết là hai phương diện của cùng một hiện tượng duy nhất. Nếu ta không xem chúng như hai hiện tượng khác biệt, nếu mọi tư tưởng về sống chết đều bất khả phân để cho sống và chết đều tham dự vào cùng một sự liên tục duy nhất trong tâm thức ta, thì xung đột không còn giữa cái đó nữa.

Ông hãy xem cái được gọi là sự sống: đó là một tâm thức đang phiêu bạt lang thang không mục đích; một hiện sinh làm bằng tranh đấu, bằng lo âu, bằng thói quen máy móc, một hiện sinh bị neo chặt vào sự tầm thường, một hiện sinh bất an vô dịch bị cuốn hút bởi những biến cố, một hiện sinh nhọc nhằn lao khổ triền miên tìm kiếm một thể quân bình không thể đạt được. Đó là điều ta biết và được ta gọi là “sự sống”. Ta bám víu vào đó. Ta sợ mất điều đó. Và ở

phía bên kia, có một cái gì đó mà ta cho là xa lạ với “sự sống”, một cái gì không biết mà ta gọi là “sự chết”. Không những có sự mâu thuẫn, sự đối kháng giữa “sống” và “chết”, mà ngay trong cái mảnh vụn gọi là “sự sống” cũng có mâu thuẫn và xung đột nữa. Sự hãi trở dậy bởi vì ta bám víu vào cái mảnh vụn ấy: ta sợ mất nó hay sợ xa lìa nó. Vậy sự sợ hãi chỉ tan biến khi nào ta đã giải thoát khỏi cái biết. Dù khuôn mặt của sự sống chúng ta có khốn cùng thế nào đi nữa ta vẫn trông vào nó để mong cầu một sự an toàn, để tìm kiếm một sự chắc chắn. Còn phương diện kia mà ta gọi là sự chết thì ta lại lẩn tránh không nhìn nó.

Ông hãy nhìn hai phương diện ấy như là một hiện tượng sinh tính duy nhất, thì sự sợ chết sẽ được giải quyết, không còn thành vấn đề nữa.

S. – Nhưng đó là điều người ta không làm: người ta không thích cái không-biết như người ta thích cái-biết. Chúng ta không thể đặt câu hỏi để biết xem tự thân của sự sợ hãi là gì sao?

K. – Tự thân của sự sợ hãi không có. Sự bao giờ cũng là sự một cái gì. Sự sợ hãi không hiện hữu một cách tiềm tàng độc lập với mọi đối tượng.

S. – Tôi không tin chắc chắn như vậy. Tôi thấy sự sợ hãi dính liền với tâm thức cá nhân, nó hiện hữu một cách độc lập với cái sợ của thú vật trước những nguy cơ về thể xác – như cái sợ của con mồi bị săn đuổi chẳng hạn – chúng ta đã di truyền sự sợ hãi đó qua cuộc tiến hóa của các loại chúng sinh. Cộng thêm vào với cái sợ thú vật đó, tôi nhận thấy trạng thái của một tâm thức được khu biệt thành cá thể nhân loại vốn mang nặng một niềm sợ hãi thiết yếu cố hữu.

K. – Có lẽ chốc nữa đây chúng ta sẽ bàn tới tất cả những điều đó. Bây giờ tôi muốn xem xét toàn bộ hiện tượng của sự sợ hãi. Tôi muốn có một hình ảnh trọn vẹn của sự sợ hãi, dù sự sợ hãi được phát sinh từ bất cứ đối tượng nào, từ cái sợ tầm phào về dư luận, cái sợ của anh công nhân trước ông chủ, cái sợ mất mát địa vị, cho đến cái sợ tập thể của những gia đình, của những đoàn thể, chủng tộc, chính trị, tôn giáo hay quốc gia. Đâu đâu ta cũng có thể thấy rằng mỗi loại sợ hãi đều dính theo một đối tượng và rằng sự sợ hãi chính là Thời gian và Tư tưởng. Đó chính là nỗi sợ hãi về những hậu quả của ngày hôm qua, sợ hãi về ngày mai, sợ hãi cái mình đã là không còn nữa, sợ không trở thành được điều mà mình mong muốn, sợ những gì mình xây dựng sẽ sụp đổ, sợ không tạo dựng được cái mình dự phóng, sợ mình không trở nên, sợ mình không còn là mình nữa. Cả thấy mọi sự đó đều nằm trong vòng Thời gian. Và cả thấy mọi sự đó đều nằm trong Tư tưởng.

S. – Nhưng không có một sự sợ hãi căn bản vô thức, một sự sợ hãi không có tư tưởng sao?

K. – Không. Sự sợ vẫn là sự một điều gì. Hãy thực sự chú tâm xem xét điều đó, tất ông sẽ thấy. Và mọi sự sợ hãi dù là vô thức, vẫn là kết quả của một tư tưởng.

S. – Ngài muốn nói là có những tư tưởng vô thức sao?

K. – Đúng thế. Một điều nào đó đã được suy tưởng từ lâu rồi, tư tưởng ấy đã vùi chôn trong tâm thức và bây giờ xuất hiện trở lại trong những hậu quả của nó như là vô thức. Dù ta có thể không tìm thấy được cái tư tưởng nguyên thủy đó, nhưng nó vẫn đã từng hiện hữu.

S. – Rồi tôi sẽ xem xét lại sau, bây giờ tôi cho rằng ngài có lý. Điều tôi nhận thấy rất rõ trong lúc này là sự sợ hãi được phát sinh do sự can thiệp hay sự đe dọa can thiệp vào của một yếu tố xung động trong cơ cấu tâm lý của cá nhân hay đoàn thể, vì đã tự đồng hóa với cơ cấu ấy, liền cảm thấy bị tổn thương, ngay chính trong cuộc sống của mình, bởi yếu tố xung đột đó. Một cách thật là lạ tôi lại trở về vấn đề căn bản là sự sợ chết. Ngài và tôi, chúng ta đã đề cập về vấn đề này từ hai khía cạnh khác nhau. Và bây giờ thì tôi đến với ngài rồi đây. Nếu ngài vui lòng đến với tôi thì ngài sẽ kết thúc câu chuyện ở hôm nay.

K. – Không những sự sợ hãi hiện diện bao bọc khắp quanh ta, từ con thú đến con người được bảo vệ vững chắc nhất mà sự sợ hãi còn hiện hữu như là một sự sợ hãi tâm lý ngay trong nội tâm của cái gọi là cá thể. Hai sự sợ hãi ấy khác biệt nahu không? Chắc chắn là không. Sự sợ hãi phổ biến trong tất cả mọi phạm vi và sự sợ hãi tâm lý ngay trong nội tâm của tự ngã vẫn luôn luôn là cái sợ không hiện hữu. Có điều chắc chắn là sự sợ hãi vốn nằm trong cơ cấu tâm lý của cái gọi là cá thể - con người nói chung – bởi vì cơ cấu ấy vốn không thực, nó chỉ là ngôn từ và con người luôn luôn tìm hết phương cách để củng cố cái cơ cấu mà nó tự Niềm sợ hãi ấy hiện rõ ràng trong tất cả mọi sự hoạt động mà người ta tìm cách sử dụng để tự xác định chính mình, sự mâu thuẫn hiển nhiên giữa sự kiện là mọi vật hiện hữu đều vô thường và việc tìm kiếm một sự trường cửu về tâm lý, chính là nguồn cội của sự sợ hãi. Để giải thoát khỏi sự sợ hãi, ta phải khám phá toàn bộ cái ý niệm về sự trường cửu. Người không mang ảo tưởng là người không sợ hãi. Nói thế không có nghĩa là người ấy tỏ ra trơ tráo, chua chát hay lãnh đạm.

25 – 8 – 1963:

Thế là bây giờ chúng ta đang đứng trước một trong những vấn đề trọng đại. Sự chết. Muốn thấu hiểu vấn đề này, không phải là bằng ngôn từ mà bằng chính sự kiện thực, tôi muốn nói là để thâm nhập thực sự vào sự kiện về cái chết, ta phải cởi bỏ mọi ý niệm, mọi biện luận, mọi tin tưởng về vấn đề này, bởi vì mọi ý tưởng ta có thể có, đều được phát sinh từ sợ hãi. Nếu chúng ta không sợ hãi, ông và tôi, chúng ta mới có thể đặt vấn đề về sự chết một cách đúng đắn được; chúng ta sẽ không tự hỏi “sau đó” có gì, mà chúng ta sẽ khám phá cái chết như là sự kiện thực. Chúng ta có thể phát khởi tức khắc cuộc khám phá về sự chết, nếu chúng ta không lo sợ hoặc có ý lẫn trốn nó. Thế là ta sẽ tránh hết mọi toan tính nhằm điều tra cái “bên kia” cõi tử mà nhiều người đã mò mẫm tìm kiếm tin tức tựa như kẻ ăn xin ngửa tay trong bóng tối. Chúng ta là những kẻ ăn mày đưa cánh tay ăn xin qua ngưỡng cửa của cõi chết. Chúng ta tưởng rằng sự chết ở bên kia ngưỡng cửa, và ta mong nó nói với ta. Ta muốn tin tức ở bên kia nắm mồ hãy đến trấn an nỗi sợ hãi, niềm âu lo về cõi giới không biết mà ta đang lần dò bước đến. Ta muốn được hứa hẹn để cho cuộc “sang ngang” sẽ thơ thới và an vui. Và vì không biết phải ăn mày ở đâu, cách nào và với ai, nên chúng ta gom nhặt những lời hứa hẹn và những lý thuyết của tất cả mọi tôn giáo ở thế gian, không tôn giáo nào giống tôn giáo nào, và vì thiếu một nhận thức trực tiếp của

chính mình, nên chúng ta chấp nhận thứ tôn giáo, thứ tin tức nào trấn an ta hữu hiệu hơn cả. Nhưng để thấu hiểu cái chết, mọi sự ăn xin mò mẫm trong bóng tối ngu muội phải ngưng dứt.

Vậy bây giờ, ông và tôi, chúng ta có sẵn sàng mang cái thái độ tinh thần cần thiết trong sự việc là không tìm biết “sau cái chết” có gì, mà tự hỏi xem chết “là gì” không?

Ông thấy chỗ khác biệt đó chứ? Sở dĩ chúng ta tự hỏi “sau đó” có gì, bởi vì chúng ta không tự hỏi cái đó nó là gì. Và chúng ta có đủ điều kiện để tự đặt câu hỏi đó không? Chúng ta có thực sự tự hỏi chết là gì không, khi ta chưa tự hỏi sống là gì? Và thực sự ta có tự hỏi sống là gì không, khi ta còn chưa chấp những khái niệm, những ý tưởng, những lý thuyết về vấn đề sống là gì? Sự sống mà chúng ta biết đây là gì? Chúng ta biết sự hiện sinh của một tâm thức không ngừng dấy dựa trong đủ thứ xung đột nội tâm. Bị bứt xé trong mâu thuẫn, sự hiện sinh này bị tù hãm trong vòng những đòi hỏi và bó buộc của chính nó, trong vòng những khoái lạc mà nó theo đuổi cùng những khổ đau mà nó lẩn trốn. Chúng ta hoàn toàn bị cuốn hút bởi một sự trống rỗng nội tâm mà sự tích trữ của cái về phương diện vật chất hay tinh thần không bao giờ có thể lấp đầy nổi.

S. – Cả thầy chúng ta đều thừa biết sự hỗn loạn chính là địa cầu chúng ta, thừa biết rằng cuộc sống của hằng ba tỉ con người đang giẫm đạp lên nhau để tìm lấy một lẽ sống.

K. – Nhưng ông và tôi, chúng ta nhận thấy rằng toàn cả phương diện đó của cuộc sống vốn là tiêu cực. Nhưng chúng ta có thoát khỏi toàn bộ cái cơ cấu tâm lý mà xã hội đã phóng hiện vào chúng ta, cũng như chúng ta vào xã hội không? Bao lâu chúng ta chưa thoát khỏi nó, bao lâu chúng ta còn tin tưởng rằng chính phương diện đó là thức tại, còn muốn tìm cho nó một mục đích, một lẽ sống và dĩ nhiên không bao giờ tìm được, thì ta sẽ rơi vào tuyệt vọng – nguồn cội bất tận của bao nhiêu là triết thuyết. Các triết thuyết ấy và tất cả mọi tôn giáo đều phổ biến một cách vội vã, những giải thích, những ý tưởng, những khái niệm về ý nghĩa của cái phương diện hiện sinh đó, về cái trạng thái mà phương diện đó sẽ phải là, về cái lý tưởng cần phải đạt tới, như là tình huynh đệ, lòng bác ái đại đồng, vân vân ... Và cũng cùng cách thế đó, để an ủi chúng ta, họ hứa hẹn bằng những hình ảnh ở bên kia cửa tử, để rồi sẽ tưởng thưởng những kẻ nào biết rập khuôn, biết thích ứng. Trong tâm thái đó, vấn đề về sự chết là gì không thể đặt ra được, vì vấn đề về sự sống là gì không được đặt ra. Thứ hiện sinh mà chúng ta biết, có phải là sự sống không? Cũng thế, những giải thích về sự hồi sinh của người chết, sự luân hồi v.v... phải chăng được phát xuất từ một nhận thức về sự chết? chúng chỉ là những phóng hiện của ý tưởng mà người ta tự tạo từ cái mảnh vụn hiện sinh được gọi là sự sống. Nếu ta hoàn toàn thoát khỏi cái cơ cấu tâm lý đã tạo nên mảnh vụn hiện sinh đó, bây giờ và chỉ có lúc bấy giờ ta mới có thể đặt câu hỏi: sống là gì? Câu hỏi ấy chứa đựng câu hỏi: chết là gì? Và ngay khi nó được đặt ra là nó không còn hiện hữu nữa. Sự sống-chết mang một ý nghĩa kỳ diệu. Vấn đề “nhiều khê” không phải là tìm giải pháp cho câu hỏi: “sống-chết là gì” sao? Điều khó khăn là phải đạt tới điểm mà câu hỏi thực sự được đặt ra.

S. – Vấn đề được trình bày như thế mở ra những chân trời bao la vô tận và tôi mong sao có ngày chúng ta sẽ cùng trở lại vấn đề đó. Tuy nhiên, hôm nay, tôi muốn nói tiếp quan điểm của tôi hôm qua, là về cái trình tự sợ hãi mà một cơ cấu tâm lý cảm nhận khi nó cảm thấy bị đe dọa. Nó “cảm thấy sự chết”. Tôi nhớ là khi trình bày một số sự kiện với một người bạn vốn có lòng tin tưởng nhiệt thành thì bỗng dưng bạn tôi đứng dậy và nói bằng một giọng kinh hoàng: “Anh không thuyết phục tôi được đâu và nếu anh thuyết phục được tôi, anh sẽ phạm phải tội sát nhân”.

K. – Hãy chết với cái cơ cấu tâm lý mà ta tự đồng nhất vào – và không có sự khác biệt giữa cơ cấu xã hội và cơ cấu cá nhân đâu – hãy chết với một phút, với mỗi ngày, với mỗi việc ta làm, với chết với niềm khoái lạc ngắn ngủi thoáng qua, hết chết với nỗi khổ triền miên lê lét và nhận thức tất cả ý nghĩa hàm chứa trong hành-động-chết đó, chỉ lúc bấy giờ ta mới đủ khả năng mà đặt câu hỏi: sự chết là gì?

Ta không thảo luận về sự chết của xác thân. Thế nhưng, chỉ những kẻ biết chết từng giây từng phút mới có thể tránh mở cuộc đối thoại vô vọng với sự chết. Chết từng phút từng giây, tức là tránh cho tâm trí khỏi phải tự hủy hoại mình bằng hành vi tích lũy triền miên quá khứ. Chết từng phút từng giây tức là đổi mới từng phút từng giây, một sự tươi mát không nằm thuộc trong vòng liên tục của kỳ gian. Hành-động-chết đó chính là hành-động-sáng-tạo. Sáng tạo là sự chết và là tình thương.

26 – 8 – 1963:

S. – Tôi có nhiều vấn đề về tôn giáo mà mấy người bạn tôi muốn hỏi ngài. Nhưng như chúng ta không còn nhiều thì giờ nên tôi sẽ tóm tắt lại.

Kể về mặt hiện tượng chung thì các tôn giáo cận đại nhất trong những tôn giáo lớn có tổ chức, dù sao, cũng đều được phát sinh vào những thời kỳ mà trái đất còn được xem như cái đĩa phẳng, mặt nhật còn lượn trên vòm trời, vân vân ... Cho đến thời kỳ gần đây (Galilée đâu có xa xưa gì), các tôn giáo đó hãy còn dùng bạo lực bắt buộc người ta phải tin một số ảo tưởng ấu trĩ về Vũ trụ. Nay thì không thể làm khác được, nên các tôn giáo ấy đặt bước theo khoa học và đành phải thú nhận rằng các luận thuyết của họ về Vũ trụ chỉ có tính cách tượng trưng, nhưng dù đã quy hàng như vậy, họ vẫn tuyên bố họ là những kho tàng vô tận của các chân lý vĩnh cửu. Ngài nghĩ sao?

K. – Những sự khẳng định đó vốn nằm trong cách thể tuyên truyền nhằm chinh phục quyền lực hầu chế ngự tâm thức con người. Nhằm đạt mục đích đó, các giáo hội đặt ra luân lý và tìm cách chiếm đoạt tuổi trẻ để quy định tuổi trẻ một cách hiện hữu hơn và để khuôn đúc nó theo một loại người mẫu của một nền văn minh nào đó. Bên cạnh đó, các người cộng sản với những ý tưởng khác biệt, họ cũng làm như vậy. Các tôn giáo của Giáo hội và các tôn giáo của Nhà nước, đều tuyên bố sự cần thiết của mọi thứ đạo đức, nhưng lịch sử của họ chỉ là một chuỗi dài bạo động, khủng bố, tra tấn, hành quyết không thể tưởng tượng được.

S. – Thế ngài không nghĩ rằng các Giáo hội ngày nay ít “hiếu chiến” hơn và chúng ta không thấy các nhà lãnh đạo của các Giáo hội lớn nhất tuyên bố rằng tình huynh đệ nhân loại quan trọng hơn chi tiết về việc thờ phượng đó sao?

K. – Sở dĩ lời tuyên bố về tình huynh đệ quan trọng hơn sự thờ phượng vì việc thờ phượng đã mất hết tầm quan trọng trong con mắt của các giáo chủ của nó. Bảo rằng cái ý hướng về đại đồng vốn cố hữu trong cái dị biệt là điều vô ích. Cái gọi là chủ nghĩa đại đồng chẳng quan chỉ là một sự khoan dung. Mà khoan dung có nghĩa là khoan dung một cách miễn cưỡng người bên cạnh với một số điều kiện nào đó. Nên mọi sự khoan dung đều là cố chấp, cũng như sự bất bạo động chính là sự bạo động vậy.

Sự thật, ở thời đại chúng ta, thứ tôn giáo như là mối cảm thông thực sự giữa con người với cái siêu việt không giữ vai trò trọng yếu trong diễn trình sinh hoạt của nhân loại. **Trái lại, các tổ chức tôn giáo lại làm công cụ cho chính trị và kinh tế.**

S. – Nhưng các tổ chức tôn giáo ấy không thể hướng dẫn con người đến một thực tại siêu quá chính nó sao?

K. – Không.

S. – Vậy, chúng ta hãy đề cập sang vấn đề tình tự tôn giáo. Con người hiện tại sống một cách ý thức trong Vũ trụ Einstein, chứ không còn sống trong Vũ trụ Euclide, họ không thể cảm thông với thực tại của Vũ trụ bằng một tâm thức đầy ắp kiến thức và rộng mở một cách thích đáng sao?

K. – Kẻ muốn rộng mở tâm thức mình, vẫn có thể chọn lựa, trong các thứ thuốc kích xúc tâm lý, thứ nào tạo cho mình nhiều khoái lạc nhất mà dùng. Nhưng còn việc cảm thông hơn với Vũ trụ nhờ vào sự tích trữ kiến thức và tri thức khoa học về nguyên tử hay những dải Ngân hà thì chẳng khác nào bảo rằng cái học-uyên-bác-sách-vở về tình thương khiến ta thấu hiểu được tình thương. Và lại, dù con người duy tân cực đoan của ông có am tường hết thảy mọi phát minh khoa học mới nhất đi nữa, có phải nhờ thế mà anh ta hòa thiêu được cái vũ trụ vô thức của anh ta không? Mà bao lâu còn một mảnh vụn vô thức tồn tại trong anh ta thì anh ta còn phóng hiện cái không thực của những biểu tượng và danh từ, rồi nương vào đó ,anh ta sẽ có ảo tưởng là cảm thông với một cái gì cao thượng.

S. – Tuy nhiên, ngài không nghĩ là có thể có một tôn giáo tương lai đặt nền trên những căn bản khoa học sao?

K. – Tại sao ta lại nói đến tôn giáo tương lai? Đúng hơn, ta hãy xem xét tôn giáo nào là chân chính. Tôn giáo có tổ chức chỉ có thể phát xuất những cải cách xã hội, những đổi thay cạn cợt, đồng thời cao rao hy vọng vào tình huynh đệ tương lai và vào nền hòa bình toàn thế giới, vì tất cả mọi tổ chức tôn giáo, một cách tất yếu, đều bị đóng khung trong một khuôn khổ xã hội. Tôi muốn nói về một cuộc cách mạng tôn giáo; cuộc cách mạng này chỉ phát sinh ở bên ngoài cái cơ

cấu tâm lý của một xã hội, bất kỳ là xã hội nào. Một tâm trí mộ đạo chân chính tất phải trần truồng mọi sợ hãi, vì nó đã thoát khỏi mọi cơ cấu mà nền văn minh đã tù ngục nó hàng nghìn vạn năm. Một tâm thức như thế phải trống rỗng, trống rỗng trong ý nghĩa là đã tự trút sạch hết mọi ảnh hưởng của quá khứ, cộng đồng và cá biệt, cũng như mọi áp lực đè nặng bởi sự tác động của hiện tại – nguyên nhân tạo thành tương lai.

S. – Thứ tâm trí ấy, vì đã tự trút sạch cái nội dung, thực ra, đã chứa đựng chính nó nên tự do một cách phi thường.

K. – Nó tự do, linh hoạt và hoàn toàn tịch lặng. Chính sự tịch lặng mới là điều quan trọng, vì tâm trí ấy không còn khả năng để trắc lượng nữa. Đó là một tâm thái vô lượng. Chỉ lúc bấy giờ ta mới thấy, không phải thấy như là kinh nghiệm, thấy không tên, vượt ngoài vòng tư tưởng, cái đó chính là năng lực vô thi. Thiếu vắng cái tâm thái tịch lặng đầy sáng tạo đó, thì dù làm gì đi nữa, cũng sẽ không bao giờ có được tình huynh đệ, sự hoàn bình, nghĩa là tôn giáo chân chính trên trái đất này. The ending of sorrow is the beginning of wisdom.

S. – Câu này không dịch được nếu dịch là “Chấm dứt đau khổ là khởi điểm của trí huệ” thì nghe hơi hời hợt. mà dịch là “chấm dứt phiền não” thì không ổn.

K. – Ông hãy viết câu đó bằng Anh ngữ vậy.

27 – 8 – 1963:

S. – Tôi không biết toàn bộ sự trình bày này có đủ chứng minh một cách rõ ràng cho độc giả của tôi thấy cái tính cách sâu xa về tôn giáo trong giáo lý của ngài không. Tất cả mọi tôn giáo đều cổ võ một phương thức cầu nguyện, một cách thể chiêm ngưỡng nào đó nhằm hội nhập cảm thông với một thực tại cao siêu mà tên gọi khác nhau như: Thượng đế, Đấng, Vũ trụ, v.v... Ngài sử dụng hành động tôn giáo nào? Ngài có cầu nguyện không?

K. – Sự lặp lại những danh từ thánh hóa làm xoa dịu một tâm trí xao động bằng cách ru ngủ, làm trì độn nó. Nó tạo cho tâm trí một sự yên lặng vô vị, trong đó, đôi lúc, lóe lên vài tia sáng. Sự lặp lại ấy là một tiến trình tự-thôi-miên được mở ra trong thái độ chấp nhận tự quy định, được khuyến khích bởi quy luật tinh thần và bởi toàn thể xã hội. Còn cầu nguyện là một phương thuốc tinh thần giúp ta sống được trong một ngục tù tâm lý mà không cảm thấy sự cần thiết phải đập vỡ, phải hủy phá nó đi. Cách thể máy móc của sự cầu nguyện rất dễ nhận hiểu. Như tất cả mọi cơ cấu máy móc, sự cầu nguyện cho ra những kết quả máy móc. Ta có thể quan sát khắp nơi, trong những nghi thức thờ phượng, sự lặp đi lặp lại những cử chỉ và danh từ có tác dụng trấn an và hứng khởi. Dù các công phu ấy có cũ xưa và khả kính đến đâu đi nữa, bao giờ chúng cũng là hành vi của những tâm thức bị khảo tra banh xé khổ sở.

S. – Nhưng tôi thấy không có cách nào để cho một tâm thức bị quy định có thể hy vọng hội nhập cảm thông với cái vô nhiễm

K. – Đúng như thế. Không có sự cầu nguyện nào khả dĩ chọc thủng được sự ngu muội của cái ngã. Mọi sự cầu nguyện hướng đến cái vô cùng đều giả định trước rằng một tâm trí hữu hạn đã biết cái vô cùng ở đâu và phải đạt đến nó bằng cách nào rồi. Thế có nghĩa là tâm trí ấy có những ý tưởng, những khái niệm, những tin tưởng về cái vô cùng, tức là tâm trí ấy bị câu thúc trong cả một hệ thống về luận giải, trong một tù ngục tâm thần mà nó chỉ biết dòn hết sức để củng cố các tường vách đó bằng cách cầu nguyện. Đã không giải phóng cho, sự cầu nguyện lại tù hãm. Mà tự do chính là yếu tính, là cốt tủy của tôn giáo trong chân nghĩa của danh từ này. Không tự do ta không thể phân biệt được cái chân thực, cái vượt ngoài tầm đo lường của con người. mà cái tự do tất yếu đó lại bị phủ nhận đi bởi các tổ chức tôn giáo, ngược lại với những gì họ thường rêu rao. **Tôn giáo chân chính chỉ có trong sự tự giác. Tự giác là nhận thức một cách không ngừng đổi mới, là quan sát hết mình và đầy tỉnh thức dòng vận động của cuộc sống, mà tuyệt nhiên không tích trữ. Tự giác không phải là một tâm thái cầu nguyện,** nó là khởi nguyên của thiên định. Đó không phải là sự tích trữ những tri thức về tâm lý học, cũng không phải là một trạng thái thần phục gọi là quy đạo, trong đó ta ngưỡng vọng ân sủng. Hành-động-tự-giác ấy chính nó là tự do và giới luật của nó. Nó hủy phá những quy luật áp chế bởi Xã hội, bởi Giáo hội, bởi Nhà nước, các quy luật ấy, vì có tính cách cưỡng bức, nên khiến sinh những hành vi mâu thuẫn bên trong và bên ngoài. Trong con thiên định ta quan sát những cuộc vận hành ý thức và vô thức của khoái lạc và đau khổ, cũng như phát hiện bất ngờ và mới mẻ trời đất trong chúng ta. Tất cả mọi hành động quan sát đều được diễn tiến trong phạm vi giới hạn câu kỳ quan. Đó là sự sáng suốt của một hành-động-quan-sát không chủ thể, không ngụ ý thái bỏ cũng như chấp nhận. Đó là một trạng thái chú tâm chứ không phải tập trung vào bất cứ đối tượng đặc biệt nào.

S. – Điều ngài nói có thể khiến nghĩ rằng hành-động-thiền-phiền ấy có tính cách chủ quan và quy cá nhân vào tự trung tâm của chính nó.

K. – Trái lại, đó là một tâm thái tự do, do đó, sẵn sàng thù ứng. Tâm nào giờ đã trầm lặng và yên tĩnh, nên quan sát thế giới ngoại cảnh mà không phóng hiện tướng tượng cũng như ảo tưởng để quan sát dòng vận động của cuộc sống, cũng phải linh hoạt và bất định hướng, chỉ lúc bấy giờ, cái vô lượng, cái phí thời gian, cái vô cùng mới có thể hiện sinh. Đó mới đích thực là tôn giáo chân chính.

28 – 8 – 1963:

S. – Ngài có nghĩ rằng – và đây là câu chót mà tôi có bồn phận phải hỏi ngài – một tư tưởng tập thể, một trí thông minh cộng đồng, vì đã trước bạ và tổng hợp những kiến thức mới nhất của tất cả mọi ngành khoa học – sinh vật học, nhân chủng học, sinh lý học, toán học, vật lý học v.v.. – nếu một tư tưởng như thế được hình thành thì nó có đủ sức để hướng dẫn nhân loại đến một cuộc tiến hóa lành mạnh không?

K. – Phong trào khoa học trên khắp thế giới hiện nay đã là kết quả của những tư tưởng tập thể không còn thứ khoa học biệt lập nữa. Mỗi khoa học là một điểm gặp gỡ của nhiều môn

khoa học khác. Nhưng có nhờ đó mà cái cơ cấu tâm lý của xã hội và của cá nhân được phá hủy đi không?

Không một tư tưởng tập thể nào có thể khiến nhân loại tiến hóa nhằm giải quyết các vấn đề của họ. Cái gọi là cá thể thực ra không phải là cái tập thể sao? Càng làm cho nó có tính cách tập thể hơn là sẽ càng máy móc hóa nó thêm nữa.

Từ chiếc xe bò đến chiếc hỏa tiễn liên hành tinh, sự tiến bộ được bắt nguồn từ một phần nào đó của óc não. Dù cái phần đó sẽ phát triển hàng triệu lần hơn nữa nó cũng không làm cho vấn đề căn bản mà tâm thức nhân loại tự đặt cho chính mình, nhúc nhích thêm bước nào. Và cái phần ấy sẽ còn phát triển nữa. Tiến trình này có tính cách một chiều. Nhưng có một phần khác của óc não chưa được đánh thức và ngay từ bây giờ chúng ta có thể làm cho nó sống động lên. Hành-động-đánh-thức này không phải là vấn đề thời gian; điều quan trọng này cần phải thấu hiểu. Đó là một cuộc bùng nổ cách mạng đột khởi tận nguồn cội của vạn vật, nó ngăn chặn không cho cơ cấu tâm lý bị kết tập, bị chai cứng u là vì những hành vi tích trữ tồn chứa quá khứ. Cái tâm thái sáng suốt ấy đề cập mỗi vấn đề đang lúc nó xuất hiện, và tính cách quan trọng của vấn đề thành ra thứ yếu. **Tự do và hòa bình chỉ có thể thiết lập trong thế giới khi cuộc đột khởi ấy – nguyên là năng lực vô thể, không phải cá biệt hay tập thể - sống động lên.**